TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2021.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung.
2. Bà Phạm Thị Hiền.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa***: Bà Hoàng Thị Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1998.
Địa chỉ: Số A đường T, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).
2. *Bị đơn:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Tổ A, thôn L, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà và ông Trần Anh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 102 ngày 15 tháng 11 năm 2017. Từ tháng 3 năm 2020, bà H và ông T phát sinh mâu thuẫn do ông T nhậu nhẹt, vợ chồng cãi nhau, cuộc sống căng thẳng dẫn đến sống ly thân. Trong thời gian ly thân, ông T không

thăm nom con, không chu cấp nuôi con. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 01-3-2018. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, bà làm việc cho Doanh nghiệp chế xuất N tại Khu công nghiệp P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, thu nhập từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Anh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà H chung sống, đăng ký kết hôn và có con chung như bà H trình bày. Từ đầu năm 2020, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông nhậu nhẹt dẫn đến vợ chồng hay cãi vã lẫn nhau, tình cảm vợ chồng nhạt nhẽo. Khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn thì bà H thường nghe lời gia đình vợ, trong khi gia đình vợ không có thiện chí hòa giải đoàn tụ cho vợ chồng ông. Từ tháng 3-2020 đến nay, vợ chồng ông sống ly thân. Trong thời gian ly thân, ông không chu cấp cho con nhưng có đến thăm, mua sắm đồ chơi cho con. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý vì ông mong muốn đoàn tụ.

Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Do không đồng ý yêu cầu ly hôn nên ông T không có ý kiến gì. Hiện ông T làm thợ lắp trần thạch cao và lái xe taxi. Thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên toà, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Anh T nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Phú Mỹ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Trần Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của bà H, Giấy chứng nhận kết hôn số 102 do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 11 tháng 11 năm 2017 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Bà H và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa các bên là hợp pháp. Về tình trạng hôn nhân: Lời khai của bà H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nên Hội đồng xét xử xác định giữa bà H và ông T có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập các bên để tiến hành phiên hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T nhiều lần vắng mặt, bà H vẫn giữ yêu cầu ly hôn, ông T thể hiện mong muốn đoàn tụ nhưng không thể hiện thiện chí và không thực hiện biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ, bỏ mặc tình cảm vợ chồng, không tham gia phiên tòa giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, mặc dù đã được Hội đồng xét xử động viên đoàn tụ vợ chồng nhưng bà H cương quyết yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông T là có thật và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà H đối với ông T.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng: Căn cứ Giấy khai sinh số 114 do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 21 tháng 5 năm 2018, có cơ sở để xác định: Bà H và ông T có một con chung là Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 01-3-2018. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy, hiện bà H hiện có việc làm, có thu nhập, có thời gian chăm sóc con; bản thân cháu Trần Nguyễn Anh T còn nhỏ và là con gái, cần có sự chăm sóc của người mẹ, từ khi vợ chồng ly thân đến nay, cháu Thư đã sống ổn định với bà H. Do vậy, để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi mọi mặt của cháu Thư, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 01-3-2018 cho bà H trực tiếp nuôi cho đến khi cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82,

83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu nên ông T không phải cấp dưỡng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Trần Anh T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Trần Anh T.

Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Trần Nguyễn Anh T, sinh ngày 01-3-2018 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp nuôi cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Trần Anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 6352 ngày 10-3-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp xong án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Huyền

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Nơi ĐKKH: UBND Phường B, TPVT;
- Lưu hồ sơ vụ án.